

Bản án số: 01/2023/HS-ST
Ngày: 06 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vi
Ông Nguyễn Đức Văn
Ông Nguyễn Đình Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXXST-HS ngày 01/12/2022 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thị Trúc L, tên gọi khác: My; sinh năm 1985 tại: Bến Tre; nơi ở hiện tại: Ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh Bến Tre; nơi thường trú: Khu PH, thị trấn LTh, huyện LTh, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1961; chồng: Đỗ Văn T (đã ly hôn); con: 02 con, sinh năm 2004 và 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn H2 G – Văn phòng Luật sư N. Địa chỉ: Lô E25 Khu quy hoạch dân cư, HD, Phường 5, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Bị hại:

- Ông Lê Minh Th, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn L, xã LX, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- Ông Trần Văn Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 57 thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn Q trú tại xã QL, huyện ĐD cho ông Nguyễn Đức Đ cùng trú tại QL, huyện ĐD vay số tiền là 1.036.000.000đ, do ông Đ không trả nợ nên ông Q khởi kiện ông Đ ra Tòa án nhân dân huyện ĐD. Ngày 17/4/2019, Tòa án nhân dân huyện ĐD có Quyết định số 55/2019/QĐSTDS tuyên buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức Đ - bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng ông Trần Văn Q - bà Ngô Thị H1 số tiền 1.036.000.000đ. Ngày 03/6/2019, Chi cục Thi hành án huyện ĐD đã ra Quyết định thi hành án buộc ông Đ phải trả số tiền vay cho ông Q nhưng ông Đ không thực hiện việc trả nợ nên vào khoảng tháng 3/2021, qua người quen giới thiệu, ông Q đã liên hệ với Phan Tứ Tấn T, trú tại Thành phố Hồ Chí Minh để nhờ T giúp ông Q đòi số tiền trên. T giới thiệu cho ông Q làm quen với Nguyễn Thị Trúc L (tên thường gọi là My). Sau khi gặp ông Q, L giới thiệu với ông Q là L có quen nhiều người làm trong cơ quan nhà nước nên L sẽ nhờ họ tác động đến Chi cục Thi hành án huyện ĐD để đòi nợ cho ông Q. Ngày 06/3/2021, ông Q cùng bà Lê Thị H1 (vợ ông Q) xuống Thành phố Hồ Chí Minh để gặp T, T dẫn vợ chồng ông Q đến xã VH, huyện CL, tỉnh Bến Tre gặp L, khi gặp L tại một quán cà phê thì ông Q đưa các giấy tờ cho L xem và đặt vấn đề nhờ L tác động Cơ quan Thi hành án để ông Q lấy được số tiền trên, nếu lấy được thì Q sẽ chia cho L 50% số tiền Đ trả nợ. L đồng ý và yêu cầu khi lo việc ông Q phải chi tiền trước để L đóng phí làm hồ sơ, đi lại và trả nước trong quá trình lo việc, ông Q đồng ý.

Ngày 08/3/2021, L thuê taxi lên nhà ông Q, L nói ông Q đưa trước 15 triệu để chi phí đi lại, L cung cấp cho ông Q số tài khoản của L là 100854346868 để ông Q chuyển khoản số tiền trên. Ngày 08/3/2021, ông Q chuyển 15 triệu đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị Trúc L.

Ngày 12/3/2021, L nhờ Nguyễn Đình K chở lên nhà ông Q để yêu cầu ông Q đưa tiền cho L đóng án phí, khi đến nhà ông Q thì K ngồi phía ngoài sân còn L đi vào trong nhà ông Q, L nói với ông Q vụ việc của ông Q đang được tòa án giải quyết nên phải đưa cho L số tiền là 38 triệu đồng để đóng án phí cho Tòa án, ông Q đã chuyển số tiền 38 triệu đồng vào tài khoản số 100854346868 của L với nội dung “chuyển tiền cho cháu L đóng án phí cho Thi hành án và Tòa án”. Sau khi ông Q chuyển tiền vào tài khoản của L, thì L viết 01 giấy nhận tiền, lý do: “*nhận số tiền 53 triệu, lo cv ở Thi hành án, nếu có sai sót trong vòng 02 tháng sẽ hoàn trả đủ số tiền trên*”. Một ngày sau, ông Q gọi điện thoại cho L yêu cầu gửi hóa đơn đóng tiền án phí cho ông Q xem, thì L nhờ một phụ nữ L gặp ở quán cà phê gọi điện cho ông Q bằng số điện thoại 0904971571 (là số điện thoại của L) và nhờ người này xưng là Th1 làm ở Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh, đang công tác tại Lâm Đồng, và nói vụ việc của ông Q đang giải

quyết, sau khi nghe người phụ nữ này nói thì ông Q tin L nên không hỏi về hóa đơn nữa. L trả cho người phụ nữ này 200 ngàn tiền công (*hiện L không nhớ được người phụ nữ này ở quán cà phê nào*). Tổng số tiền L nhận để lo việc của ông Q là 53.000.000đ.

Cùng trong thời gian này, ông Q được người quen là ông Lê Minh Th trú tại xã LX, huyện ĐD nhờ tìm người “chạy kháng án” giúp cho em trai ông Th là Lê Hồng Ph, trú tại xã LX, huyện ĐD bị Tòa án nhân dân huyện ĐD xử phạt 18 tháng tù giam về tội cố ý gây thương tích theo bản án Số 54/2000/HS- ST ngày 24/11/2020. Ông Q đã trực tiếp gọi điện thoại cho L đặt vấn đề nhờ L “chạy kháng án giúp cho người quen”, L đồng ý và hẹn lên nhà ông Q gặp trực tiếp gia đình ông Ph để bàn việc cụ thể. L thuê taxi đến nhà ông Q để gặp gia đình ông Ph. Tại nhà ông Q, L gặp vợ chồng ông Ph, ông Th. Ông Th đặt vấn đề nhờ L lo cho Ph được hưởng án treo, L đồng ý và nói có quen biết với người làm trong Tòa án, Viện kiểm sát ở Thành phố Hồ Chí Minh, L sẽ nhờ những người này trực tiếp gọi điện cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để Ph được hưởng án treo. L nói sẽ lo cho Ph hưởng án treo với giá tiền là 400 triệu gồm các khoản: lo cho Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh 100 triệu; Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh 100 triệu, Tòa án Lâm Đồng 100 triệu, công của L là 100 triệu, và L yêu cầu gia đình ông Ph phải đưa ngay cho L 200 triệu đồng, còn lại 200 triệu sau khi Tòa xử xong sẽ đưa tiếp. Nghe L nói vậy thì gia đình ông Th đồng ý và mượn vợ chồng ông Q 200 triệu đưa trực tiếp cho L ngay tại nhà ông Q. Qua ngày hôm sau L gọi Zalo cho ông Th hướng dẫn gia đình ông Th làm đơn xin xét xử phúc thẩm và xin rút luật sư mà gia đình ông Th thuê để bào chữa cho Ph, L nói để L tự lo, đồng thời L yêu cầu gia đình ông Th đưa hết số tiền 200 triệu còn lại để L lo việc, L cung cấp tài khoản ngân hàng của L số 100854346868 để gia đình ông Ph chuyển tiền. Ngày 16/3/2021, gia đình ông Ph đã chuyển vào tài khoản của L số tiền 100 triệu với nội dung: “Lo công việc cho Lê Hồng Ph” và hẹn L ngày hôm sau sẽ chuyển số tiền còn lại. Ngày hôm sau L liên lạc cho ông Th để yêu cầu chuyển số tiền 100 triệu còn lại và yêu cầu gia đình ông Th phải đưa thêm cho L số tiền là 400 triệu nữa với lý do L nói với gia đình ông Th là: “để nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đóng tiền bảo đảm cho Ph” và “nếu sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phúc thẩm thắng hay thua thì sẽ trả lại toàn bộ số tiền đảm bảo”. Tin tưởng nên ông Th đồng ý đưa thêm cho L số tiền là 400 triệu để L lo việc bảo lãnh cho Ph.

Ngày 18/3/2021, gia đình ông Th chuyển vào tài khoản của L số tiền 200 triệu đồng. Ngày 13/9/2022, gia đình ông Th nhờ ông Q chuyển cho L số tiền 100 triệu, ngày 23/3/2021, ông Th chuyển khoản cho L số tiền 60 triệu đồng, ngày 24/3/2021, ông Th chuyển khoản cho L 40 triệu đồng và ngày 06/4/2021, ông Th chuyển khoản cho L số tiền 100 triệu đồng.

Ngày 26/4/2021, Tòa án dân tỉnh Lâm Đồng đưa vụ án Lê Hồng Ph ra xét xử phúc thẩm, tuyên y án sơ thẩm đối với Lê Hồng Ph, lúc này ông Q và ông Th

gọi điện thoại cho L yêu cầu L trả lại số tiền mà L đã nhận lo việc chạy án, lo đảm bảo nhưng L hẹn lần và không hoàn trả, vì vậy ông Th đã làm đơn tố cáo L.

Tổng số tiền mà L chiếm đoạt của gia đình ông Lê Minh Th là 800 triệu đồng.

Như vậy với 02 bị hại trên, Nguyễn Thị Trúc L đã chiếm đoạt số tiền là 853.000.000đ (*tám trăm năm mươi ba triệu đồng*).

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng xám có số Imei 353262079285382; 01 (một) sim điện thoại số 0904971571

Trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra bị cáo chưa bồi thường gì cho các bị hại

Cáo trạng số 16/CT-VKSLĐ-P1 ngày 09/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Trúc L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết là BLHS 2015).

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trúc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo từ 12-14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho ông Trần Văn Q số tiền 53.000.000đ; bồi thường cho ông Lê Minh Th số tiền 800.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 BLHS 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng xám có số Imei 353262079285382; 01 (một) sim điện thoại số 0904971571.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đối với cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 174 BLHS 2015. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, xã hội.

Bị hại ông Trần Văn Q: Yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 53.000.000đ đã chiếm đoạt. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị hại ông Lê Minh Th: Yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 800.000.000đ đã chiếm đoạt. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Lời sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử và tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Nhằm thực hiện mục đích chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn Q và Lê Minh Th, Nguyễn Thị Trúc L đã đưa ra thông tin không có thật về việc có quen biết với người làm trong ngành Tòa án, Viện kiểm sát và có đường dây chạy án để lo án treo cho Lê Hồng Ph và lo bên thi hành án để đòi nợ cho ông Trần Văn Q nhằm chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn Q và Lê Minh Th. Ngày 08/3/2021, ông Q đã chuyển vào tài khoản số 100854346868 của Liều số tiền 15.000.000đ; ngày 12/3/2021 Liều đưa ra thông tin không có thật và yêu cầu ông Q chuyển vào tài khoản số 100854346868 của Liều số tiền 38.000.000 đ, sau đó L thuê một người phụ nữ mới quen biết giải danh là cán bộ Viện kiểm sát để nói chuyện điện thoại với ông Q mục đích để làm cho ông Q tin là công việc ông Q đang nhờ L là có thật. Tổng số tiền L đã chiếm đoạt của ông Q là 53.000.000đ. Sau đó thông qua ông Q, L đưa ra thông tin có quen biết với Tòa án và Viện kiểm sát để chạy án giúp cho ông Lê Hồng Ph là em trai của ông Lê Minh Th được hưởng án treo do Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Gia đình ông Th đã đưa tiền mặt và nhiều lần chuyển khoản vào tài khoản số 100854346868 của L với tổng số tiền là 800.000.000đ.

Ngày 26/4/2021, Tòa án dân tỉnh Lâm Đồng đưa vụ án Lê Hồng Ph ra xét xử phúc thẩm, tuyên y án sơ thẩm đối với Lê Hồng Ph, lúc này ông Q và ông Th gọi điện thoại cho L yêu cầu L trả lại số tiền mà L đã nhận lo việc chạy án, lo đảm bảo nhưng L hèn lẩn và không hoàn trả, vì vậy ông Th đã làm đơn tố cáo L.

Như vậy với 02 bị hại trên, bị cáo Nguyễn Thị Trúc L đã chiếm đoạt số tiền là 853.000.000đ (*tám trăm năm mươi ba triệu đồng*), bị cáo đã dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối, không có thật để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm tài sản của công dân khách thể được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Trúc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị Trúc L phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị hại ông Lê Minh Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[4] Quá trình điều tra L khai sau khi nhận tiền của gia đình ông Lê Minh Th thì L có đưa tiền cho một số người như Nguyễn Đình K, Trần Văn Q và Lê Thanh H2 để H2 đưa cho Trần Xuân U, tuy nhiên Nguyễn Đình K và Trần Văn Q khẳng định không nhận tiền từ L, không có tài liệu gì chứng minh việc L đưa tiền vì vậy không có cơ sở xem xét. Đối với việc L khai đưa tiền cho Lê Thanh H2 để H2 đưa cho Trần Xuân U chạy án, quá trình điều tra thể hiện: Thời điểm L đưa tiền cho Lê Thanh H2 với số tiền 30.000 USD là vào ngày 04/02/2021, trước thời điểm L gặp ông Q và gia đình của Lê Minh Th, Lê Hồng Ph, số tiền trên không liên quan đến vụ án này nên không có cơ sở xem xét.

[5] Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Trúc L bồi thường cho ông Trần Văn Q là 53.000.000đ; bồi thường cho ông Lê Minh Th là 800.000.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng xám có số Imei 353262079285382; 01 (một) sim điện thoại số 0904971571

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trúc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc L 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trần Văn Q số tiền 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng); bồi thường cho ông Lê Minh Th số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng xám có số Imei 353262079285382; 01 (một) sim điện thoại số 0904971571 (được đựng trong 01 phong bì niêm phong có chữ ký họ tên của H2 Minh Th, Nguyễn H2 Phương, Nguyễn Thị Trúc L, Nguyễn Thị L2, Đặng Thị Tuyết Ngân)

(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/10/2022)

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSNDCC tại Tp HCM (01);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân TC (01);
- Phòng PV06 CA Lâm Đồng (01);
- Cơ quan CSĐT CA Lâm Đồng (02);
- Cơ quan Thi hành án HS CA Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (02);
- Người bào chữa (01);
- Phòng KTNV&Thi hành án (04);
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hữu Hồng